TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 477/2023/HCPT
Ngày: 28/6/2023
V/v "khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc CB, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hành chính thụ lý số 193/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6509/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn A, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Y, xã X, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/6/2023.

**** Người bị kiện*:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản ngày 20/6/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Vũ Ngọc C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố H và Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Phạm Đình T; chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Y, xã X, thành phố H, tỉnh H; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Trần Văn A được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo Quyết định số 652/QĐ-UBND và Quyết định số 948/QĐ-UBND của UBND tỉnh H là 1.197m^2.

Ngày 01/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, gia đình ông bị thu hồi diện tích là 584m^2, gồm 3 thửa: thửa 27, tờ bản đồ 11 diện tích 337m^2, thửa số 54, tờ bản đồ 11 diện tích 197m^2 và thửa số 248 tờ bản đồ 12 diện tích 50m^2 tại thôn Y, xã X. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND, gia đình ông A ở số thứ tự 100 được bồi thường hỗ trợ tổng số tiền là 120.994.200 đồng.

Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, ông được biết UBND thành phố H sử dụng đất thu hồi của gia đình ông vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia đình ông đã bàn giao ruộng canh tác cho UBND thành phố H. Sau đó, ông nhận thấy UBND thành phố H lại giao cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (sau đây gọi là Công ty Thăng Long) thực hiện dự án với tên gọi Khu đô thị mới, xã X, thành phố H, trong khi tại danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh H (ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh H) dự án tại xã X, thành phố H là dự án "Khu đô thị, thương mại dịch vụ". Quá trình thực hiện, Công ty Thăng Long thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013, dự án mà Công ty Thăng Long thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, UBND thành phố H không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình ông, đồng nghĩa với các quyết định UBND thành phố ban hành là trái pháp luật.

Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, cụ thể: tiền bồi thường được chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, có hộ được bồi thường 69.000.000 đồng/sào, có hộ 130.000.000 đồng/sào; 150.000.000đ/sào; 175.000.000đ/sào.

Ngày 13/12/2019 và 28/12/2020, ông cùng các hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại quyết định bồi thường hỗ trợ GPMB thực hiện dự án "Khu đô thị mới xã X" của Ủy ban nhân dân thành phố H, cụ thể: Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H (sau đây gọi là Quyết định 13577/QĐ-UBND); Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND thành phố H v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố H v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố H v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu đô thị mới xã X, thành phố H.

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố H ra Quyết định số 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu bác toàn bộ nội dung khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định 13577/QĐ-UBND; Quyết định 1185/QĐ-UBND và Quyết định 2282/QĐ-UBND.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố H.

Việc giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình ông, những người trực tiếp có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố H thu hồi đất và bồi thường đất theo giá nhà nước, không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Ông A không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không công bằng nên ông phải đòi hỏi quyền lợi, ông yêu cầu UBND thành phố H phải nâng mức bồi thường cho gia đình ông là 175.000.000 đồng/sào.

Vì vậy, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, tỉnh H.

2. Hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, tỉnh H.

3. Hủy quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố H v/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

** Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố H và Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án khu dân cư mới xã X, thành phố H được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố H, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh H có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh H có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án khu dân cư mới xã X thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố H năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh H phê duyệt tại các Quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã X có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB. Vì vậy UBND thành phố H đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Ngọc Việt) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Về trình tự thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

- Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã X, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án, trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã X, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã X, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố H đã ban hành các quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ ông Trần Văn A.

- Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố H đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã X lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh H; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông A) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã phối hợp với UBND xã X thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc ông A cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã X không công bằng là không có cơ sở.

- Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự

án sử dụng đất năm 2013 tỉnh H ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh H (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã X, thành phố H, tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha.

Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư X, thành phố H, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha.

Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã X hay Khu dân cư X đều là một dự án Khu dân cư mới xã X; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư X, thành phố H.

3. Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố; theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố H, bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, tỉnh H khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016; số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố H có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H; ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố H đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H; trong đó kết luận: giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016; số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng

mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố H là đảm bảo quy định của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Vì các căn cứ trên, UBND thành phố H khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án khu dân cư mới xã X, thành phố H đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H trình bày*:

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai)

Chủ tịch UBND tỉnh H thụ lý giải quyết khiếu nại (lần 2) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyề địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai)

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh H thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai)

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh H thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã X, thành phố H, tỉnh H của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Trần Văn A và các hộ gia đình có đất bị

thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là có cơ sở.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị B không có ý kiến trình bày.

Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 168; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 89, 90, 93, 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, tỉnh H.

- Hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, tỉnh H.

- Hủy quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố H v/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

[2] Về án phí: Ông Trần Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ ông A đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005220 ngày 29/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H thành tiền án phí.

Bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn, ông Trần Văn A có đơn kháng cáo. Đơn ngày 07/3/2023 ông A rình bày nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà với lý do Quyết định 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 là bất hợp pháp về thẩm quyền, nội dung quyết định áp dụng đơn giá Nhà nước để bồi thường cho gia đình là không chính xác đối với dự án thương mại. Ông Trần Văn A cũng có đơn đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày quan điểm: Chủ tịch UBND tỉnh H đã thụ lý giải quyết khiếu nại đúng quy định. Về nội dung khiếu nại: Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi, bồi thường; không thuộc trường hợp thỏa thuận bồi thường; UBND thành phố H đã thực hiện bồi thường đúng quy định. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh H đã trả lời khiếu nại là đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phát biểu quan điểm: Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất xây dựng khu dân cư mới quy định tại Điều 62 Luật đất đai. Đủ căn cứ xác định UBND thành phố H thu hồi đất và phê duyệt bồi thường đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự thủ tục và có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn A và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Trần Văn A đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của ông A hợp lệ. Ông Trần Văn A đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện (UBND thành phố H, Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch UBND tỉnh H) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn A :

[2.1] Đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

- Về thẩm quyền ban hành: Dự án Khu dân cư xã X, thành phố H được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh H có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh H có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án khu dân cư mới xã X thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố H thu hồi đất và ban hành Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB đối với hộ gia đình bà Trần Văn A là đúng quy định về thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Ông Trần Văn A cho rằng trường hợp này bà được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án: Dự án khu dân cư mới xã X là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố H thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh H chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã X). Do vậy, đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013, như ông A yêu cầu.

- Về trình tự, thủ tục:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. UBND thành phố H, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã phối hợp với UBND xã X ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 13478/QĐ-UBND v*/v thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã X*, thu hồi của hộ gia đình ông Trần Văn A, bà Trịnh Thị B 584,8m^2 thuộc thửa 27, 54, 248, tờ bản đồ địa chính số 11, 12 thuộc địa giới hành chính xã X, thành phố H. Gia đình ông Trần Văn A không có khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất.

UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án theo quy định, danh sách phê duyệt có tên hộ gia đình ông A.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của UBND thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã X tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Ông A đã ký nhận 120.995.200đồng (STT 15 Danh sách chi trả tiền bồi thương, hỗ trợ). Ngoài ra, gia đình ông A còn được hỗ trợ theo quyết định 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 số tiền 2.070.000 đồng, đã được chi trả và không có khiếu nại gì.

- *Về nội dung:* Các khoản bồi thường, hỗ trợ mà gia đình ông Trần Văn A được UBND thành phố H phê duyệt theo Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (số thứ số

100) diện tích bị thu hồi theo hiện trạng là 584,8m^2, diện tích được bồi thường là 584m^2 (gồm 3 thửa). Cụ thể:

Bồi thường về đất: 24.528.000 đồng (đơn giá đất trồng cây hàng năm 42.000đ/m^2, hệ số 1,0) là phù hợp với quy định của Điều 77 Luật đất đai; Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh H; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh H về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H năm 2016;

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tổng cộng là 36.792.000đ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84; Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H Ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 8.280.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật đất đai; khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H.

Hỗ trợ khác theo Công văn 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh H với tổng số tiền 49.056.000 đồng (mức hỗ trợ 84.000đ/m^2) là phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật đất đai.

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu: 2.339.000 đồng là phù hợp với công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh H về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng.

Tổng cộng là 120.995.200 đồng

Như vậy, UBND thành phố H đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về BT, HT, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh H.

Người khởi kiện cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng: Theo quy định của pháp luật việc áp giá bồi thường là như nhau, UBND thành phố H cũng xác định tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã X, thành phố H đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT, đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố H:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:*

Để giải quyết khiếu nại của hộ ông A do bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân xã X đại diện; Chủ tịch UBND thành phố H đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của bà Lập. Ngày 17/9/2020 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

- *Về nội dung*: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có ông A) là có căn cứ, như đã phân tích nêu trên.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh H:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Chủ tịch UBND tỉnh H đã thụ lý khiếu nại (lần hai), đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H, là có căn cứ.

[3] Với những lý do nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định hành chính (phần có liên quan đến hộ gia đình ông Trần Văn A) là có cơ sở.

[4] Ông A kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn A phải chịu án phí

hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 214 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Ông Trần Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai số AA/2020/0005483 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/6/2023

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh H;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Cục THADS tỉnh H;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, P.HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương